

MỘT SỐ NGUYÊN NHÂN CẢN TRỞ SỰ HÌNH THÀNH ĐỘNG CƠ NGHỀ NGHIỆP Ở SINH VIÊN HIỆN NAY

TS. NGUYỄN VĂN SƠN*

Động cơ nghề nghiệp (ĐCNN) là yếu tố cơ bản cấu thành xu hướng nhân cách của sinh viên (SV); trực tiếp thúc đẩy họ học tập, phấn đấu, biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo để trở thành những cán bộ, chuyên gia trong tương lai, đồng thời chuẩn bị về mọi mặt để bước vào nghề nghiệp (NN) của mình. Hiện nay, ở nhiều trường đại học (ĐH), bên cạnh những SV có ĐCNN rõ ràng, yên tâm học tập, yêu nghề, phấn khởi nhận công tác sau khi tốt nghiệp ra trường, vẫn còn tình trạng một số SV khó hình thành ĐCNN, không yên tâm với nghề đã chọn, giảm sút ý chí phấn đấu, thậm chí bỏ học khi đã bước sang năm học thứ hai, thứ ba. Cá biệt, có SV, do ĐCNN hình thành chậm hoặc thiếu ổn định, đã nảy sinh tâm trạng hụt hẫng, bị quan, không làm chủ được bản thân và bị loại khỏi ngành nghề đang được đào tạo. Những biểu hiện yếu kém về ĐCNN ở một bộ phận SV đã ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng giáo dục ĐH; gây lãng phí cho gia đình, xã hội.

Quá trình hình thành ĐCNN ở SV diễn ra hết sức phức tạp, chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau như: bản thân SV, môi trường sống, học tập, hoạt động GD-ĐT ở các trường ĐH. Tùy theo tính chất tác động, mức độ phù hợp của các yếu tố này mà chúng vừa có thể trở thành điều kiện thuận lợi, nhưng cũng có thể trở thành nguyên nhân cản trở quá trình hình thành ĐCNN. Vì vậy, việc nghiên cứu chỉ ra nguyên nhân cản trở sự hình thành ĐCNN ở SV là vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần hình thành ĐCNN cho họ, đáp ứng yêu cầu công việc và mong muốn của xã hội. Với ý nghĩa đó, tháng 5/2011, chúng tôi tiến hành điều tra 300 SV đang học Trường ĐH Chính trị về những nguyên nhân chủ yếu cản trở sự hình thành ĐCNN ở SV. Kết quả như sau:

1. SV thiếu những phẩm chất tâm - sinh lí cần thiết trước đòi hỏi của lĩnh vực NN

Nguyên nhân này xuất phát từ việc SV không biết chọn ngành nghề phù hợp với bản thân từ trước nên không phát huy được những tố chất, sở trường của mình mà ngược lại, bộc lộ những thiếu hụt về những

phẩm chất tâm lí, sinh lí cần thiết so với đòi hỏi của NN đang theo học. Chẳng hạn, có những lĩnh vực ngành nghề đòi hỏi ở SV phải có óc thực tế, tính tự lập, dễ thích nghi, năng động, biết vận hành máy móc thiết bị, thích làm các công việc thực hành như: kĩ thuật, nông nghiệp, giao thông vận tải, dầu khí, thể dục thể thao... Các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học công nghệ, y dược... đòi hỏi SV phải có óc phân tích tổng hợp, khả năng tư duy logic, thích tìm hiểu khám phá, quan sát. Có ngành nghề lại đòi hỏi ở SV về khả năng trực giác, tưởng tượng như: điện ảnh, sân khấu, hội họa; hoặc đòi hỏi cao về sức khỏe, kinh nghiệm, vốn sống, tính gan dạ, tự chủ như: cảnh sát, quân sự...

Sự thiếu hụt về những phẩm chất tâm - sinh lí trước đòi hỏi của NN dẫn tới SV gặp khó khăn trong quá trình lĩnh hội và thực hành NN, xuất hiện tâm trạng "hụt hẫng", "bất ngờ" với NN đã chọn, do đó, ĐCNN khó hình thành, khó ổn định. Qua điều tra, có khoảng 20% SV được hỏi ý kiến đã thừa nhận họ đang băn khoăn, trăn trở về việc có nên tiếp tục theo đuổi ngành mình đã chọn hay không vì thiếu năng lực và phẩm chất phù hợp với nghề; 25% thừa nhận sự thiếu hụt về kinh nghiệm, vốn sống của bản thân hoặc trình độ nhận thức, năng lực học tập chưa đáp ứng với mục tiêu, yêu cầu đào tạo. Theo thống kê, hàng năm có tới hàng trăm SV "rẽ ngang" sang ngành khác mặc dù đã theo học được 1 hoặc 2 năm (do NN không phù hợp với bản thân hoặc do mong muốn, nguyện vọng của gia đình).

2. SV nhận thức chưa đúng về giá trị (GT) của NN đang được đào tạo

Điều này xuất phát từ sự khiếm khuyết trong định hướng GT NN của một bộ phận SV hiện nay. Nhiều giảng viên ĐH và cán bộ quản lí giáo dục cho rằng, việc nhận thức phiến diện, không đầy đủ về GT của NN chính là một nguyên nhân dẫn đến SV không thiết tha, gắn bó với NN mà họ đang được đào tạo. Trên thực tế, nhiều SV có ý định "rẽ ngang" nhưng

* Trường Đại học Chính trị

không thành cũng đã thừa nhận về sai lầm trong quyết định của mình. Có gần 20% SV trong diện khảo sát cho biết họ đang gặp khó khăn trong quá trình phấn đấu vì GT NN của mình thấp hơn so với một số lĩnh vực NN khác. Một số SV, trong những năm đầu học ĐH đã đạt được nhiều thành tích tốt, được thầy cô đánh giá rất có triển vọng, nhưng "bất ngờ" xin thôi học do xuất hiện tư tưởng "đứng núi này trông núi nọ", so bì, tính toán thiệt hơn.

Chúng tôi cho rằng, SV hiện nay được sinh ra và lớn lên trong điều kiện hòa bình, không được trải nghiệm qua những khó khăn, gian khổ như các thế hệ ông cha; mặt khác, do tuổi đời còn trẻ, lại chịu tác động của những biến đổi kinh tế - xã hội, nhất là sự chuyển dịch, mở rộng của nhiều lĩnh vực ngành nghề, nên những hạn chế trong nhận thức về GT NN ở một bộ phận SV là tất yếu. Đặc biệt, nếu SV quan niệm sai lầm về GT của NN, quá coi trọng GT kinh tế của NN đối với bản thân, không coi trọng đúng mức ý nghĩa xã hội của NN, thậm chí xác định theo nghề để làm hài lòng gia đình, chuẩn bị cho một hướng đi khác... thì ĐCNN rất khó hình thành. Vì vậy, việc nhận thức chưa đúng về GT của NN đang là nguyên nhân khá phổ biến cản trở sự hình thành ĐCNN ở SV hiện nay.

3. Công tác GD-ĐT có mặt còn hạn chế

Nhiều SV được hỏi ý kiến cho rằng, ở không ít trường ĐH, vẫn còn những hạn chế nhất định về nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo; do đó họ chưa được đáp ứng đầy đủ nhu cầu nhận thức, hoàn thiện NN của họ, dẫn đến muốn lựa chọn lại NN. Thực tế hiện nay, việc đổi mới GD-ĐT ở nhiều trường ĐH vẫn đang gặp không ít khó khăn do sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật và thực tiễn cuộc sống. Ý tưởng "phải dạy những cái người học cần chứ không phải dạy những cái nhà trường có", trên thực tế, vẫn chưa thể thực hiện được; việc đổi mới PPDH, phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học cũng chưa đem lại kết quả như mong muốn. Ở một số trường, tuy đã bổ sung, điều chỉnh nội dung, chương trình đào tạo, nhưng vẫn còn bộc lộ những hạn chế, bất cập, còn trùng lặp và chưa thật sát với đối tượng đào tạo; đổi mới hình thức tổ chức, PPDH chuyển biến còn chậm; chất lượng tự học, tự nghiên cứu, tinh thần say mê học tập của SV chưa cao.

Những hạn chế về công tác GD-ĐT đã làm giảm sức hấp dẫn của tri thức, kỹ năng NN - đối tượng chủ yếu được SV lựa chọn để thỏa mãn nhu cầu nhận thức, hoàn thiện NN; đồng thời gây ra khó khăn cho SV trong quá trình chiếm lĩnh, thực hành NN. Điều

này làm cho người học dễ xuất hiện thái độ, tâm trạng bất lợi khi lựa chọn đối tượng, phương thức thỏa mãn nhu cầu từ chính môi trường học tập và lĩnh vực NN đang được đào tạo. Do đó, đây là một nguyên nhân đang cản trở việc hình thành ĐCNN ở SV hiện nay.

4. Những tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường và các tệ nạn xã hội

Hiện nay, dù đời sống nhân dân đã được nâng cao, song lại tiềm ẩn những nguy cơ, thách thức, trong đó đáng chú ý là tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường và các tệ nạn xã hội vào đời sống SV, làm cho một bộ phận SV sa sút ý chí phấn đấu, ước mơ và hoài bão mờ nhạt, vi phạm đạo đức lối sống, dẫn đến ĐCNN khó hình thành, thậm chí bị triệt tiêu. Theo kết quả điều tra, có 25% số SV được hỏi ý kiến đã thừa nhận, bản thân đang gặp khó khăn nhất định trong quá trình thực hiện mơ ước của mình do những ảnh hưởng xấu từ môi trường bên ngoài. Chúng tôi cho rằng, những tác động tiêu cực của mặt trái kinh tế thị trường và các tệ nạn xã hội đã làm cho một bộ phận SV không điều chỉnh được nhu cầu của bản thân cho phù hợp với yêu cầu của xã hội; từ đó xuất hiện tâm trạng tiêu cực hoặc suy nghĩ không đúng khi lựa chọn và chấp nhận các đối tượng, phương thức thỏa mãn nhu cầu trong lĩnh vực NN đang được đào tạo và gây nên những trở ngại cho việc hình thành ĐCNN.

Để khắc phục những nguyên nhân trên, theo chúng tôi, cần tập trung thực hiện các nội dung sau:

- *Quan tâm giáo dục hướng nghiệp cho thanh niên, học sinh.* Bộ GD-ĐT, các trường ĐH cần chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ để tổ chức tốt việc giáo dục hướng nghiệp, giúp thanh niên, học sinh có hiểu biết sâu sắc về yêu cầu, đòi hỏi của các lĩnh vực NN. Việc định hướng NN cần chú ý bảo đảm sự phù hợp giữa khả năng, nguyện vọng của cá nhân với đòi hỏi của xã hội, của lĩnh vực NN, tạo tiền đề thuận lợi cho việc hình thành ĐCNN của SV trong quá trình đào tạo.

- *Giáo dục định hướng cho SV nhận thức đúng đắn về GT NN.* Cần thường xuyên giáo dục SV về nghĩa vụ, trách nhiệm đối với bản thân, gia đình và xã hội; thông qua giáo dục truyền thống, tuyên truyền nhiệm vụ của đất nước để nâng cao ý thức chính trị, trách nhiệm đối với lĩnh vực NN đang được đào tạo. Kết hợp bồi dưỡng trình độ thế giới quan, niềm tin khoa học cho SV với giáo dục về mục tiêu, yêu cầu đào tạo, làm cơ sở cho SV có sự nhận thức đúng đắn về GT NN mà họ đã lựa chọn.

(Xem tiếp trang 19)

mô hình DH mới đã cho phép triển khai DH trong các môi trường rộng mở hơn; theo đó, TH là cách tối ưu nhất để học tập và phát triển.

(1) Педагогика. Учебное пособие. Под ред. П. И. Пидкасистого. М.: Российское педагогическое агентство, 2002.

(2) Черная А.В - Чекунова Е.А -Погорелова Е.И. «Организация самостоятельной работы студентов по психолого-педагогическим дисциплинам». Ростов-на-Дону, 2010.

(3) Maslow, A.H. "A Theory of Human Motivation." *Psychological Review* 50(4): 370-96; 1943.

Tài liệu tham khảo

1. Các văn bản hướng dẫn số 771, 775/ĐT ngày 11/8/2006 của Đại học quốc gia Hà Nội về chuyển đổi chương trình và xây dựng đề cương môn học theo tín chỉ trong ĐHQGHN.

2. Bộ tài liệu hướng dẫn tổ chức, thực thi và quản lý chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ. Khoa Sư phạm - ĐHQGHN, 2006.

3. J. John Loughran, Mary Lynn Hamilton, Vicki Kubler LaBoskey and Tom Russell. *International Handbook of Self-Study of Teaching and Teacher Education Practices*. Springer International

Handbook of Education. Volume 12, 2004.

4. Guofang Wan # Dianne M. Gut (Editors). *Bringing Schools into the 21st Century*. Springer Dordrecht Heidelberg London New York, 2011.

5. Зимняя И.А. *Ключевые компетентности как результативно-целевая основа компетентностного подхода в образовании*. Авторская версия. -М.: Исследовательский центр проблем качества подготовки специалистов. 2004.

6. http://europa.eu.int/comn/education/policies/educ/tuning/tuning_en.html

SUMMARY

The article suggests new concept of self-study as a specific teaching approach in higher education: the balance of teacher activity and self-organization leading learning activity of learner. In this article self-study is analyzed in different aspect such as learning activity embedded into lecture, seminar, experimental course, directive, compulsory or elective etc. The list of factors impacted to effectiveness of using self-study also introduced.

The author provides some suggestions regarding to the question how to effectively organize self-study for students towards improvement of teaching and learning outcomes in credit system.

Một số nguyên nhân cản trở...

(Tiếp theo trang 21)

- **Đẩy mạnh đổi mới nâng cao chất lượng GD-ĐT ĐH.** Cần tập trung hoàn thiện mục tiêu đào tạo, đổi mới nội dung, phương pháp dạy học ĐH theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, phát huy tính tích cực, hình thành hứng thú, say mê học tập cho SV. Nội dung dạy học cần chú ý bảo đảm tỉ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp, giữa lý thuyết và thực hành; phải cập nhật được thông tin mới, theo kịp sự phát triển của khoa học công nghệ, sát thực tiễn NN sau này. Đổi mới PPDH phải đồng bộ trong tất cả các hình thức dạy học, tạo điều kiện thuận lợi cho SV đạt kết quả cao trong lĩnh hội, thực hành NN.

- **Tăng cường công tác quản lý, giáo dục nhân cách SV.** Kết hợp chặt chẽ giữa tuyên truyền, giáo dục với sử dụng biện pháp quản lý hành chính, đồng thời phát huy vai trò tự quản của người học nhằm ngăn chặn sự xâm nhập của các quan điểm sai trái, các tệ nạn xã hội vào đời sống SV. Thường xuyên nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, sử dụng sức mạnh của các tổ chức quần chúng, sức

mạnh của dư luận xã hội để lên án biểu hiện yếu kém về tư tưởng, đạo đức, lối sống trong SV. Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục phải là tấm gương mẫu mực về nhân cách để SV học tập, noi theo. □

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. **Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI**. NXB Chính trị quốc gia-Sự thật, H. 2011.

2. Bộ GD-ĐT. **Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020**, H. 2005.

3. Nguyễn Văn Thân (chủ biên). **Tìm hiểu các trường đại học qua những số liệu tuyển sinh**. NXB Thống kê, H. 2012 (Tài liệu phục vụ kì thi tuyển sinh năm 2012).

SUMMARY

Nowaday, career motivation among a part of students is still difficult to form, unstable. This denotes that there are determine causes obstructing their formulation of career motivation. For defining students'career motivation, participating in raising the quality of higher education there shall be special focus on prevention the causes. In this article the author presents basic causes obstructing the formulation of career motivation among students and some solutions for prevention the causes.